

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khon Sóc;

Ông Hồ Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Ông Chau San, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Quốc K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lệ N, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; Tạm trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 10 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Quốc K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K và bà N do tự quen biết, tìm hiểu và tiến tới kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 17/10/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Ông K và bà N không còn sống cùng nhau từ đầu năm

2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Lệ N.

- Về con chung: Ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Đặng Cẩm T, sinh ngày 22/7/2004, đã trưởng thành và Đặng Cẩm D, sinh ngày 11/11/2014. Hiện cháu D đang chung sống với ông K, ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bà Trần Thị Lệ N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà N xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông K và bà N xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa, ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Qua xác minh ngày ngày 17/12/2024 cho thấy vợ chồng ông K và bà N không có biện pháp hàn gắn, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà N.

Về con chung: Ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Đặng Cẩm T, sinh ngày 22/7/2004, đã trưởng thành và Đặng Cẩm D, sinh ngày 11/11/2014. Hiện cháu D đang chung sống với ông K, ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, từ khi ly thân đến nay ông K luôn đảm bảo việc nuôi con, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của ông K là hợp lý, đề nghị chấp nhận. Ông K không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, Bà Trần Thị Lệ N vắng mặt, nguyên đơn ông Đặng Quốc K có đơn xin vắng mặt, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu và không

cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị Lệ N có đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; Tạm trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông K và bà N xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông K và bà N xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa, ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Qua xác minh ngày 17/12/2024 cho thấy vợ chồng ông K và bà N không có biện pháp hàn gắn, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Quốc K đối với bà Trần Thị Lệ N là có căn cứ.

Về con chung: Ông K và bà N có 02 (hai) con chung tên Đặng Cẩm T, sinh ngày 22/7/2004, đã trưởng thành và Đặng Cẩm D, sinh ngày 11/11/2014. Hiện cháu D đang chung sống với ông K, ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, từ khi ly thân đến nay ông K luôn đảm bảo việc nuôi con, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của ông K là hợp lý. Ông K không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Đặng Quốc K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Bà Trần Thị Lệ N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 217, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đặng Quốc K được ly hôn với bà Trần Thị Lệ N.

Ông Đặng Quốc K được nuôi con chung Đặng Cẩm D, sinh ngày 11/11/2014. Bà Trần Thị Lệ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đặng Quốc K cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trần Thị Lệ N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Đặng Quốc K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012750 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà M đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà